TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/DS-ST
Ngày 16 - 7 - 2019
"V/v tranh chấp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Chi

Ông Nguyễn Ngọc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2019/QĐXXST–DS ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Lê Hồng T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Bà Trần Thúy H trình bày: Bà có tham gia 02 phần hụi trong dây hụi mở ngày 15/10/2017 âl do chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D làm chủ, loại hụi 500.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, gồm có 56 phần, bà góp được 26 kỳ với số tiền 26.000.000 đồng, đến ngày 26/12/2018 chị T tuyên bố đình hụi nhưng không giao hụi chết cho bà. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu chị T và anh D trả số tiền nợ hụi

26.000.000 đồng. Tại phiên sơ thẩm bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị T và anh D trả số tiền nợ hụi 19.000.000 đồng như tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2019, ngoài ra bà H không yêu cầu gì khác.

* Tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2019, chị Lê Hồng T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian mở hụi, loại hụi, số phần hụi bà H tham gia, số lần góp hụi, số tiền nợ lại đối với 02 phần hụi của bà H là 26.000.000 đồng. Nay chị thống nhất trả cho bà H tổng số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng. Ngoài ra chị T xác định việc chị trực tiếp mở hụi, gom hụi thì anh D đều biết; mục đích chị mở hụi để có thêm tiền hoa hồng phục vụ cho chi phí sinh hoạt trong gia đình, nên chị T thống nhất cùng anh D trả cho bà H số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh D nhưng anh D từ chối nhận văn bản với lý do anh không liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T và anh D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hụi và còn nợ tiền hụi là thực tế có xãy ra, việc này được bà H và chị T thừa nhận.

[3] Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu chị T và anh D trả số tiền nợ hụi 26.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà H yêu cầu chị T, anh D trả số tiền nợ hụi 19.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Xét về khoản tiền phải trả, thấy rằng: Tại phiên hòa giải bà H và chị T đều xác định không có sổ sách ghi chép số tiền thực tế đã đóng của mỗi kỳ khui hụi và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện số tiền vốn hụi là bao nhiêu, nhưng giữa bà H và chị T đã thỏa thuận được số tiền nợ hụi phải trả là 19.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận giữa bà H và chị T sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với anh D xác định không liên quan đến vụ án, không nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Xét thấy: Việc chị T tham gia làm chủ hụi trong khoảng thời gian dài, trong thời gian chị T làm chủ hụi, chị T và anh D vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân và đang sống chung một nhà và anh D có biết việc chị T mở hụi và nợ hụi. Ngoài ra chị T làm chủ hụi cũng vì mục đích để có thêm khoản tiền hoa hồng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày trong gia đình. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định khoản tiền nợ hụi bà H là khoản nợ chung của chị T và anh D được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó chị T và anh D cùng phải có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ hụi nêu trên cho bà H là phù hợp.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị T và anh D có trách nhiệm trả cho bà H số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H không phải chịu; chị T và anh D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H.

1. Buộc chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D trả cho bà H số tiền nợ hụi là 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng chị T, anh D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

- Bà Trần Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà H 650.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008991 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Chị Lê Hồng T và anh Lâm Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng); chị T và anh D chưa nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị T, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy đinh.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng